

Số: /KH-UBND

Nghĩa Hưng, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Nghĩa Hưng

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình; UBND xã Nghĩa Hưng ban hành Kế triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Nghĩa Hưng, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định rõ và giao nhiệm vụ cụ thể, chi tiết cho các cơ quan, đơn vị; bảo đảm việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch.

2. Yêu cầu

- Bám sát Nghị quyết số 06-NQ/TU, các kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản có liên quan; kế thừa, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân xã ban hành về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, Đề án 06 và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 với công tác cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được phân công tại Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 163/KH-UBND của UBND tỉnh. Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội tại địa bàn xã.

2. Mục tiêu chi tiết

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Về khoa học - công nghệ

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tổ chức cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn xã.

b) Đổi mới sáng tạo

- Triển khai mô hình “Mỗi xã một ý tưởng sáng tạo” hoặc “Mỗi xã một sản phẩm đổi mới sáng tạo” (OCOP 2.0). Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 01 sản phẩm hoặc ý tưởng sáng tạo của địa phương được hỗ trợ thương mại hóa.

- Xây dựng tối thiểu 01 không gian sinh hoạt chung phục vụ đổi mới sáng tạo tại địa bàn (như câu lạc bộ sáng tạo cộng đồng, không gian khởi nghiệp hoặc nhà văn hóa KHCN).

- Hỗ trợ kinh phí và kết nối các dự án khởi nghiệp tiềm năng tại địa phương vào hệ thống ươm tạo, tăng tốc của tỉnh, đồng hành cùng mục tiêu hình thành trên 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo toàn tỉnh.

- Lựa chọn, hướng dẫn 02 sáng kiến, giải pháp, mô hình hay hoặc sản phẩm sáng tạo trong cơ quan nhà nước, trường học, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh để đề xuất nhân rộng hoặc tham gia các chương trình, cuộc thi do tỉnh trên tổ chức.

c) Chuyển đổi số

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đến năm 2030
1	Dự liệu số		
1.1.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	100

1.2.	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100
1.3.	Số hóa di tích lịch sử	%	100
2	Về Phát triển Chính quyền số		
2.1.	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	90%
2.2.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100%
2.3.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100%
2.4.	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	%	100
2.5.	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	95
2.6.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	95
2.7.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	%	100
2.8.	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	%	90
6.	Về Phát triển Kinh tế số		
6.1.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	60
6.2.	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	95
3	Về Phát triển Xã hội số		
3.1.	Tỷ lệ người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2	%	90

3.2.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	60
3.3.	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	70
3.4.	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	90
4	Hạ tầng số		
4.1.	Các khu vực dân cư trên địa bàn xã được phủ sóng 5G; người dân có khả năng truy cập Internet băng thông rộng cố định với tốc độ 1Gb/s, bảo đảm hạ tầng số đáp ứng yêu cầu vận hành thông minh, hiện đại.		100

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của xã.

- Người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã sử dụng hiệu quả các dịch vụ số, nền tảng số, phương thức quảng bá, giao dịch, thanh toán và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

- Các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, sản phẩm địa phương, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội, cải cách hành chính và phục vụ cộng đồng được duy trì, nhân rộng, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số ở cơ sở.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban chỉ đạo)

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và điều phối chung việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội

- Chủ trì tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng Quý (trước ngày 20 của tháng cuối Quý), 6 tháng (trước ngày 20/6) năm (trước ngày 10/12) và đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân xã về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu lựa chọn, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tham mưu Ủy ban nhân dân xã biểu dương, khen thưởng kịp thời.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch này.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của xã.

3. Phòng Kinh tế

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn Hoá - Xã hội, các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã bố trí nguồn kinh phí; đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoàn thành các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp, dự án, đề án của Kế hoạch.

4. Văn phòng HĐND&UBND

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu, tổ chức triển khai việc đầu tư, xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản trị của lãnh đạo UBND xã.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của xã, tập trung đầu tư, triển khai các giải pháp, ứng dụng các công nghệ số mới để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt nhất trong việc cung cấp, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

6. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội, Văn phòng HĐND&UBND xã và các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tham mưu khai thác, ứng dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin mạng, trong đó tập trung thực hiện các biện pháp truyền thông, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật sử dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn tuyệt đối các hoạt động chỉ đạo, điều hành; kinh doanh, thương mại; sử dụng các dịch vụ số, giao dịch số... của các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp trên không gian mạng.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn trong việc kết nối, chia sẻ, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; hướng dẫn, đôn đốc triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

7. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các chuyên đề, chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng, đăng tải các nội dung tuyên truyền. Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung, chính sách pháp luật về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông di động để nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, lan tỏa các mô hình hay, cách làm hiệu quả, sáng tạo; phát hiện, giới thiệu và tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình, tiêu biểu trong ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông di động. Tổ chức phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của các cơ quan Nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Tý